

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HSST

Ngày 13/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung.

Bà Nguyễn Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô. Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/HSST ngày 16/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 01/8/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1964; Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: thôn Đ, xã Đ1, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đức, sinh năm 1924 (đã chết) và con bà Hà Thị Vịt, sinh năm 1924 (đã chết); Chồng Đỗ Văn Hậu, sinh năm 1963; Có 03 con lớn sinh năm 1992 nhỏ sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/5/2024 đến ngày 27/5/2024 được tại ngoại đến nay, (có mặt).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Sông L, sinh năm 1992, (vắng mặt).

Trú tại: thôn Y, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đào Thị B, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Trú tại: thôn X, xã T, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị Đ cư trú thôn Đ, xã Đ1, huyện Sông Lô làm kinh doanh quán hát Karaoke “Thúy Kiều Quán” ở thôn Đ, xã Đ1, huyện Sông Lô. Đ có thuê Đào Thị B quê ở xã T, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai làm

nhân viên của quán, Đ và B thống nhất với nhau mỗi lần để cho B đi bán dâm thì Đ sẽ thu của khách 500.000 đồng, Đ lấy 100.000 đồng và còn lại trả cho B 400.000 đồng. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/5/2024, Nguyễn Sông L cư trú xã Tứ Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc và H cư trú xã N, huyện Sông Lô đi đến quán của Đ uống bia. Sau khi uống xong khoảng 00 giờ 00 phút ngày 24/5/2024, L thấy Đào Thị B đang dọn dẹp phòng hát đổi diện vị trí ngồi uống bia nên nảy sinh ý định mua dâm với B, L gọi Đ vào phòng hát và nói “Có nhân viên đi chơi không”, Đ hiểu ý L muốn mua dâm nên trả lời “Có”, L nói tiếp “Giá bao nhiêu” thì Đ trả lời “Năm trăm nghìn”, L lấy 500.000 đồng (gồm 02 tờ tiền loại mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền 100.000 đồng) ra đưa cho Đ. Nhận tiền xong, Đ chỉ tay về phía Đào Thị B khi này đang ngồi đối diện với L và nói “Đi ra nhà nghỉ”, B hiểu ý Đ bảo đi bán dâm cho L nên đồng ý. L liền tiến gần lại nói với B “Đi với anh” rồi cả hai người đi đến nhà nghỉ Gia Bảo thôn Đ, xã Đ1, huyện Sông Lô gặp chị H là quản lý nhà nghỉ thuê Phòng 203 để quan hệ tình dục. Tại đây L và B tự cởi quần áo xong lên giường nằm kích thích tình dục cho nhau, khi hai người đang quan hệ tình dục thì bị Công an huyện Sông Lô kiểm tra, phát hiện bắt giữ quả tang, thu giữ vật chứng là 01 bao cao su đã sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax đã xé rách.

Sau khi biết tin Công an bắt quả tang Nguyễn Sông L và Đào Thị B đang mua bán dâm tại nhà nghỉ “Gia Bảo”, Nguyễn Thị Đ đã tự nguyện đến Công an huyện Sông Lô đầu thú, khai nhận rõ hành vi Môi giới mại dâm của mình và giao nộp số tiền 500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm giữ đối với Đ theo quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Sông L là người mua dâm, Đào Thị B là người bán dâm. Hành vi của L, B không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L và B là đúng quy định pháp luật.

Đối với H tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra khai nhận chị là người cho Nguyễn Sông L và Đào Thị B thuê Phòng 203 nhà nghỉ “Gia Bảo”. Bản thân L, B không nói và chị không biết hai người thuê phòng để mua bán dâm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

Đối với H có mặt tại nơi xảy ra tội phạm nhưng không giúp sức gì trong việc mua bán và môi giới mại dâm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT - VKSSL ngày 12/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố Nguyễn Thị Đ về tội: “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh

giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Môi giới mại dâm”; áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, Thời gian thử thách là 24 (hai bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, phạt từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối cải, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai và bản kiểm điểm của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, biên bản vụ việc và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có sự thống nhất từ trước giữa Nguyễn Thị Đ với gái bán dâm Đào Thị B nên khoảng 00 giờ 0 phút ngày 23/5/2024, Nguyễn Thị Đ đã nhận số tiền 500.000đ của người mua dâm Nguyễn Sông L để môi giới cho Đào Thị B bán dâm cho L. Khi L và B đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 203 nhà nghỉ Gia Bảo, địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ1, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc thì bị lực lượng Công an huyện Sông Lô phát hiện, bắt quả tang. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Do đó bản cáo trạng số: 33/CT - VKSSL ngày 12/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố Nguyễn Thị Đ về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không bị oan.

[3] Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hoá, trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích tư lợi. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với người khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có chồng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và nhiều Bằng khen trong công tác, sau khi phạm tội bị cáo đến cơ quan điều tra Công an huyện Sông Lô đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của mình và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người cao tuổi (60 tuổi). Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và 03 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và có đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại mục a phần 2 điểm a khoản 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có khả năng tự cải tạo và nếu không phải bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo có nơi cư trú ổn định, hành vi của bị cáo chưa đến mức độ phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Như vậy cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo không có tài sản riêng nhưng đề nâng cao tính răn đe. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng phạt một khoản tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[6] Các vấn đề khác: Đối với hành vi mua bán dâm của Nguyễn Sông L và Đào Thị B đã bị Công an huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với L và B là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa H là chủ nhà nghỉ Gia Bảo vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra chị Hằng trình bày không biết việc L và B thuê phòng 203 để thực hiện hành vi mua bán dâm, nên cơ quan điều tra không xử lý và đối với tiền thuê phòng 203, chị Hằng chưa nhận được tiền, nhưng không yêu cầu L và B trả lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với số tiền 500.000đ là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su đã xé rách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo bị là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2/ Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,....., quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Thị Đ 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã

cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3/ Xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax đã xé rách. (Toàn bộ vật chứng trên hiện do Chi cục THA dân sự huyện Sông Lô, đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2024 giữa cơ quan điều tra Công an huyện Sông Lô và Chi cục THA dân sự huyện Sông Lô).

4/ Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Án xử công khai sơ thẩm: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THA dân sự huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- UBND xã Đ1;
- Bị cáo; Người có QLVN liên quan;
- Lưu hs; Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kiên Thành

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào 09 giờ 50 phút ngày 13 tháng 8 năm 2024.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc và ông Lê Trung.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ1, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1/ Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung. ***Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí = 100%.***

2/ Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp. ***Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí = 100%.***

3/ Về tội danh và Điều luật áp dụng: có đầy đủ căn cứ kết tội bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội: “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. ***Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí = 100%.***

4/ Về hình phạt: Phạt Nguyễn Thị Đ 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt. ***Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí = 100%.***

5/ Về xử lý vật chứng và án phí hình sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax đã xé rách. (Toàn bộ vật chứng trên hiện do Chi cục THA dân sự huyện Sông Lô, đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2024 giữa cơ quan điều tra Công an huyện Sông Lô và Chi cục THA dân sự huyện Sông Lô).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. **Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí = 100%.**

6/ Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện Sông Lô trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. **Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí = 100%.**

7/ Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định. **Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí = 100%.**

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 05 phút ngày 13 tháng 8 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc

Lê Trung

Nguyễn Kiên Thành